

Số: 60 /QĐ- MNDH

Hùng Hải, ngày 16 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN Quý 1 năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017-BTC ngày 15/ 6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ luật số: 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc Hội về luật thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số: 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 thông tư quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét đề nghị của kế toán Trường Mầm non Diễn Hải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN quý 1 năm 2025 của Trường Mầm non Diễn Hải.

(Có biểu số: 03 ban hành kèm theo TT 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 và phụ lục 3.1 kèm theo)

Hình thức công khai: Công khai trên bảng tin công khai của nhà trường, trên Website Trường MN Diễn Hải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Kế toán đơn vị và các bộ phận liên quan căn cứ thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2
- Lưu: VT



Hoàng Thị Hà

Hùng Hải, ngày 16 tháng 04 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v: Niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN Quý 1 năm 2025

Thời gian: 08 giờ 00 phút, ngày 16 tháng 04 năm 2025.

Địa điểm: Tại văn phòng trường MN Diễn Hải

Thành phần:

1. Bà: Hoàng Thị Hà	Hiệu Trưởng
2. Bà: Phạm Thị Liên	Phó hiệu trưởng
3. Bà: Ngô Thị Lan	Phó hiệu trưởng
4. Bà: Đạm Thị Châu	Chủ tịch công đoàn- TTCM
5. Bà: Lê Thị Tuyết	Kế toán
6. Bà: Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Trưởng ban TTND
7. Bà: Bùi Thị Tươi	Y tế - thủ quỹ
8. Bà: Nguyễn Thị Nhân	Giáo viên – Thư ký

Nội dung: Tiến hành ghi nhận và lập biên bản về việc công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN quý 1 năm 2025 của Trường MN Diễn Hải cụ thể như sau:

(Có biểu số: 03 ban hành kèm theo TT 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 và phụ lục 3.1 kèm theo)

- **Thời gian niêm yết:**

Từ ngày 16 tháng 04 năm 2025 đến ngày 16 tháng 05 năm 2025.

- **Hình thức công khai:**

Công khai tại bảng tin của trường MN Diễn Hải, trên website Trường MN Diễn Hải.

- **Ý kiến phản ánh:**

Mọi ý kiến phản ánh, thắc mắc xin gửi về văn phòng Trường Mầm Non Diễn Hải, nhóm ZALO hội đồng trường MN Diễn Hải hoặc trực tiếp qua số điện thoại: 0352224820 Cô: Hoàng Thị Hà – Hiệu trưởng nhà trường.

Biên bản kết thúc vào lúc 09 giờ 30 phút cùng ngày.

THƯ KÝ

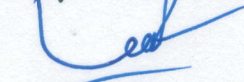


Nguyễn Thị Nhân



Hoàng Thị Hà

P.HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Liên

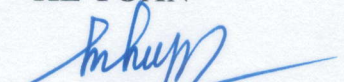
CÁC THÀNH VIÊN

P.HIỆU TRƯỞNG



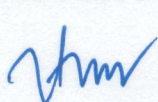
Ngô Thị Lan

KẾ TOÁN



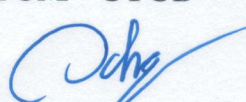
Lê Thị Tuyết

THANH TRA ND



Nguyễn Thị ánh Tuyết

TTCM - CTCĐ



Đạm Thị Châu

Y TẾ - THỦ QUỸ



Bùi Thị Tươi

Đơn vị: Trường Mầm Non Diễn Hải
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 1- NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

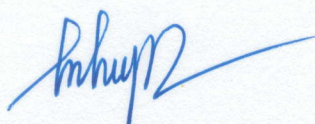
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Trường Mầm non Diễn Hải công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý 1 năm 2025 như

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán NSNN quý 1 năm 2025	Thực hiện quý 1 năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi tại đơn vị				
I	Số thu tại đơn vị	218 277 393	218 277 393	100%	
1	Số thu học phí công lập	210 053 393	210 053 393	100%	
2	Số thu tiền học tiếng anh, erobich	8 224 000	8 224 000	100%	
II	Chi tại đơn vị	156 244 000	156 244 000	100%	
1	Chi sự nghiệp	156 244 000	156 244 000	100%	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	156 244 000	156 244 000	100%	
a	Chi học phí công lập	150 076 000	150 076 000	100%	
b	Chi tiền học tiếng anh, erobich	6 168 000	6 168 000	100%	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
III	Số dư tại đơn vị				
1	Số dư học phí công lập	59 977 393	59 977 393	71%	
2	Số dư tiền học tiếng anh, erobich	2 056 000	2 056 000	75%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7 166 770 000	1 535 588 565	21%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	7 166 770 000	1 535 588 565	21%	
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7 166 770 000	1 535 588 565	21%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7 166 770 000	1 535 588 565	21%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Số dư nguồn NSNN	5 631 181 435	5 631 181 435		

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Tuyết

Hùng Hải ngày 16 tháng 04 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Hà

BÁO CÁO CHI TIẾT
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN QUÝ 1 NĂM 2025

ĐVT: đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán			
		Tổng số	NSNN giao	Học phí	Tiếng anh -Erobich TC
A	Quyết toán thu	7 385 047 393	7 166 770 000	210 053 393	8 224 000
I	Phần thu	7 385 047 393	7 166 770 000	210 053 393	8 224 000
II	Số thu nộp NS				
III	Số được để lại chi theo CĐ				
Số TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán			
		Tổng số	NSNN giao	Học phí	Tiếng anh -Erobich TC
B	Các khoản chi				
6000	Tiền lương	845 349 000	800 349 000	45 000 000	
6001	Lương theo ngạch, bậc	845 349 000	800 349 000	45 000 000	
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động TX theo HĐ	7 500 000		7 500 000	
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động TX theo HĐ	7 500 000		7 500 000	
6100	Phụ cấp lương	474 373 000	471 973 000	2 400 000	
6101	Phụ cấp chức vụ	13 638 000	13 338 000	300 000	
6112	Phụ cấppuru đãi nghề	303 276 000	302 076 000	1 200 000	
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	12 834 000	11 934 000	900 000	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	144 625 000	144 625 000		
6149	Phụ cấp khác				
6150	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học				
6151	Học bổng, học sinh, sinh viên học trong nước.				
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập				
6199	Các khoản hỗ trợ khác				
6200	Tiền thưởng				
6201	Thưởng thường xuyên				
6300	Các khoản đóng góp	235 776 565	235 776 565		



6301	Bảo hiểm xã hội	175 579 000	175 579 000		
6302	Bảo hiểm y tế	30 098 565	30 098 565		
6303	Kinh phí công đoàn	20 066 000	20 066 000		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	10 033 000	10 033 000		
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				
6401	Tiền ăn				
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	2 896 000	2 896 000		
6501	Tiền điện	2 896 000	2 896 000		
6550	Vật tư văn phòng				
6551	Văn phòng phẩm				
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng				
6599	Vật tư văn phòng khác				
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				
6606	Tuyên truyền, quảng cáo				
6700	Công tác phí	2 400 000	2 400 000		
6704	Khoản công tác phí	2 400 000	2 400 000		
6750	Chi phí thuê mướn				
6757	Thuê lao động trong nước				
6799	Chi phí thuê mướn khác				
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.				
6907	Nhà cửa				
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin				
6921	Đường điện, cấp thoát nước				
6949	Các tài sản công trình khác				
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn				
6956	Tài sản và thiết bị CNTT				
6999	Tài sản thiết bị khác				
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	7 493 000		7 493 000	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	7 493 000		7 493 000	
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động				
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành				
7049	Chi khác				
7750	Chi khác	56 045 000	22 194 000	27 683 000	6 168 000

